

DOI: 10.58490/ctump.2024i81.2923

**ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH XỬ TRÍ SỐT VÀ
MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA BẠC CHA MẸ CÓ CON DƯỚI
05 TUỔI TẠI KHOA NHI BỆNH VIỆN SƠN TRÀ, ĐÀ NẴNG NĂM 2023**

**Nguyễn Trương Văn Võ Lâm Tuấn^{1*}, Phan Minh Tâm¹,
Nhữ Thị Hiền¹, Nguyễn Thị Thanh Nhi²**

1. Bệnh viện Sơn Trà, Đà Nẵng

2. Trung tâm tim mạch, Bệnh viện Đà Nẵng

*Email: tuanntvvl@danang.gov.vn

Ngày nhận bài: 21/6/2024

Ngày phản biện: 18/10/2024

Ngày duyệt đăng: 25/10/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: sốt là một phản ứng của cơ thể, có tác dụng làm tăng phản ứng hóa học để bảo vệ cơ thể khi cần thiết nhưng sốt quá cao, kéo dài lại gây ra nhiều hậu quả xấu đối với cơ thể như mất nước và điện giải, thiếu các chất dinh dưỡng do tăng chuyển hóa, giảm hấp thu, kém ăn. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành và đánh giá một số yếu tố liên quan đến xử trí sốt của các bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi tại khoa nhi Trung tâm Y Tế quận Sơn Trà năm 2023.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang trên 102 bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi đang điều trị tại khoa Nhi Trung tâm Y tế quận Sơn Trà, phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. **Kết quả:** Trên 80% bậc cha mẹ có kiến thức (85,3%), thái độ (82,4%) chưa tốt về việc xử trí sốt, tuy nhiên thực hành của họ tốt có tỷ lệ 65,7%. Trong phân tích, kiến thức xử trí sốt và trình độ của bậc cha mẹ có mối liên quan ($p < 0,05$). Thái độ xử trí sốt của đối tượng nghiên cứu có mối liên quan với “mối quan hệ” và “tuổi của trẻ” với $p < 0,05$. Thực hành xử trí sốt, tuổi của bậc cha mẹ, số lượng con trong gia đình, trình độ của bậc cha mẹ và nghề nghiệp của cha mẹ có mối liên quan ($p < 0,05$). Ngoài ra, nghiên cứu này chỉ tìm thấy được mối liên quan giữa kiến thức và thái độ. **Kết luận:** Tỷ lệ bậc cha mẹ có kiến thức tốt 14,7%, thái độ tốt 17,6% và thực hành tốt 65,7%. Kiến thức xử trí sốt có liên quan với mối quan hệ, trình độ của bậc cha mẹ và thái độ xử trí sốt ($p < 0,05$). Thái độ chỉ có mối liên quan với tuổi của trẻ ($p < 0,05$). Thực hành xử trí sốt có mối liên quan với trình độ của cha mẹ ($p < 0,05$).

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, thực hành, xử trí sốt, Sơn Trà.

ABSTRACT

**EVALUATION OF KNOWLEDGE, ATTITUDES, AND PRACTICES IN
FEVER MANAGEMENT AND SOME RELATED FACTORS AMONG
PARENTS OF CHILDREN UNDER 5 YEARS OLD AT THE PEDIATRIC
DEPARTMENT OF SON TRA MEDICAL CENTRE, DA NANG IN 2023**

**Nguyen Truong Van Vo Lam Tuan^{1*}, Phan Minh Tam¹,
Nhu Thi Hien¹, Nguyen Thi Thanh Nhi²**

1. Son Tra Hospital, Da Nang city

2. Cardiovascular center, Da Nang Hospital

Background: Fever is a physiological response that enhances chemical reactions to defend the body when necessary. However, excessively high or prolonged fevers can lead to several adverse health outcomes, including dehydration, electrolyte imbalances, nutritional deficiencies due to accelerated metabolism, reduced nutrient absorption, and diminished appetite. **Objectives:** To assess the knowledge, attitudes, and practices (KAP) related to fever management among parents

of children under five years of age at the Pediatric Department of Son Tra Medical Centre in the year 2023. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted on 102 parents of children under five years old who were receiving treatment at the Pediatric Department of Son Tra Medical Centre. Data were analyzed using SPSS software version 20.0. **Results:** The findings reveal that a significant majority of parents exhibit insufficient knowledge (85.3%) and inappropriate attitudes (82.4%) towards fever management. Nonetheless, the practices reported were relatively adequate, with 65.7% of participants demonstrating good practices. The findings also indicated a significant correlation between parents' knowledge of fever management and their educational levels ($p < 0.05$). The fever management attitudes of the study participants are associated with "association" and "child's age," with $p < 0.05$. Additionally, practices in managing fever correlated with the parents' age, the number of children in the family, the educational level of the parents, and their occupations ($p < 0.05$). The study also identified a correlation between knowledge and attitudes. **Conclusions:** Only a minority of parents demonstrated adequate knowledge (14.7%) and appropriate attitudes (17.6%), although a majority showed good practices (65.7%). The study underscores the influence of parental educational levels and relationships on the knowledge and attitudes towards fever management. Specifically, parental attitudes were influenced solely by the age of their children, and their practices were associated with their educational levels ($p < 0.05$).

Keywords: knowledge, attitudes, practices, fever management, Son Tra.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt là một phản ứng của cơ thể, có tác dụng làm tăng phản ứng hóa học để bảo vệ cơ thể khi cần thiết nhưng sốt quá cao, kéo dài lại gây ra nhiều hậu quả xấu đối với cơ thể như mất nước và điện giải, thiếu các chất dinh dưỡng do tăng chuyển hóa, giảm hấp thu, kém ăn. Trẻ dưới 6 tuổi bị sốt cao có nguy cơ bị co giật và có thể để lại di chứng nặng nề nếu không xử trí kịp thời. Vì vậy, để kiểm soát tốt thân nhiệt cho trẻ thì kiến thức đúng về cách xử trí sốt là rất quan trọng.

Kết quả nghiên cứu của Al Arifi và cộng sự năm 2021: Hơn một nửa số cha mẹ cho rằng con mình bị sốt ở nhiệt độ 38°C . Phần lớn cha mẹ (79,7%) cho biết tác dụng phụ nghiêm trọng nhất của sốt là co giật, tổn thương não (39,3%), hôn mê (29,9%), mất nước (29,7%) và tử vong (25%). Thuốc hạ sốt phổ biến nhất là paracetamol (84,5%). Với nghiên cứu của họ cũng kết luận rằng cha mẹ có kiến thức tốt trong việc xác định nhiệt độ sốt theo lộ trình và dụng cụ đo thân nhiệt theo khuyến cáo [1]. Theo nghiên cứu của Vũ Thị Thúy Hoa (2019), tỷ lệ kiến thức đúng của các bà mẹ không cao chỉ chiếm 33,3% và tỷ lệ các bà mẹ biết khoảng cách an toàn giữa hai lần dùng thuốc hạ sốt Paracetamol chiếm 46,2% [2].

Nhằm có cơ sở, xây dựng định hướng các hoạt động thông tin giáo dục truyền thông sức khỏe tại Bệnh viện Sơn Trà nói riêng và trong cộng đồng nói chung về chăm sóc sức khỏe cho trẻ, bước đầu xử trí sốt tại nhà cho các bậc cha mẹ người chăm sóc trẻ. Từ thực tế đó, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành và đánh giá một số yếu tố liên quan về xử trí sốt của các bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi tại khoa nhi Bệnh viện Sơn Trà, Đà Nẵng năm 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi có triệu chứng sốt đang điều trị tại khoa nhi Bệnh viện Sơn Trà, Đà Nẵng năm 2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Tất cả các bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi có triệu chứng sốt đang điều trị tại khoa nhi Bệnh viện Sơn Trà, Đà Nẵng năm 2023 và họ đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** đối tượng trong tình trạng không tỉnh táo, có biểu hiện rối loạn tâm thần, không đồng ý hợp tác.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu và chọn mẫu:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Tiến hành chọn tất cả các bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi có triệu chứng sốt đang điều trị tại khoa nhi từ tháng 01/2023 - 06/2023 theo tiêu chuẩn chọn mẫu, thực tế chúng tôi nghiên cứu được 102 mẫu.

- **Nội dung/chỉ số nghiên cứu:**

Phòng vấn trực tiếp các bậc cha mẹ theo bộ câu hỏi soạn sẵn, được xây dựng dựa trên các nghiên cứu trước đó đáp ứng đủ theo tiêu chuẩn nghiên cứu [3] [4]. Bộ công cụ bao gồm có 25 câu hỏi và chia thành 04 phần:

+ Phần 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, bao gồm: 06 biến số (mối quan hệ, tuổi của ĐTN, số con, tuổi của con, trình độ và nghề nghiệp).

+ Phần 2: Các nội dung liên quan đến kiến thức, bao gồm 07 biến số (vị trí đo nhiệt, nhận biết sốt, nhiệt độ xác định sốt, nhiệt độ của sốt cao, thời điểm uống thuốc hạ sốt, khi sốt bao lâu đo nhiệt độ 1 lần).

+ Phần 3: Các nội dung liên quan đến thái độ, bao gồm 06 biến số (tác dụng phụ của sốt, nhiệt độ có thể tăng bao nhiêu khi không xử trí, liều lượng thuốc, kháng sinh có tác dụng hạ sốt không, sốt đưa trẻ đến đâu để khám, kết hợp hai hoặc nhiều loại thuốc tốt hay không).

+ Phần 4: Các nội dung liên quan đến thực hành, bao gồm 06 biến số (biện pháp vật lý dùng hạ sốt, loại thuốc để hạ sốt, đường dùng thuốc hạ sốt, cách tính liều lượng thuốc hạ sốt, yếu tố căn cứ để dùng hạ sốt, dụng cụ xác định liều lượng thuốc hạ sốt).

- **Cách đánh giá:**

+ Kiến thức: Tổng điểm tối đa có thể đạt được là 10 điểm. Sau khi phân tích số liệu, lấy giá trị trung bình của biến làm điểm cắt phân thành hai nhóm: Tốt ($\geq 05đ$) và chưa tốt ($<05đ$).

+ Thái độ: Tổng điểm tối đa có thể đạt được là 12 điểm. Sau khi phân tích số liệu, lấy giá trị trung bình của biến làm điểm cắt phân thành hai nhóm: Tốt ($\geq 06đ$) và chưa tốt ($< 06đ$).

+ Thực hành: Tổng điểm tối đa có thể đạt được là 10 điểm. Sau khi phân tích số liệu, lấy giá trị trung bình của biến làm điểm cắt phân thành hai nhóm: Tốt ($\geq 05đ$) và chưa tốt ($< 05đ$).

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu sau khi làm sạch được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 cho các thông tin mô tả và phân tích thống kê.

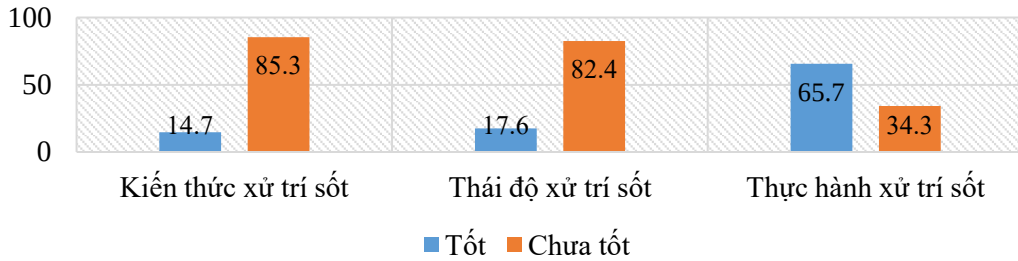
+ Với mục tiêu 1: Sử dụng thống kê mô tả (tần số, tỷ lệ, trung bình) và các biến số được phân nhóm như trong phần biến số nghiên cứu.

+ Với mục tiêu 2: Sử dụng kiểm định chi bình phương và ước tính mối liên quan giữa các yếu tố được thể hiện dưới dạng tỷ lệ (%), tỷ số chênh (OR), khoảng tin cậy 95% và xem xét sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p \leq 0,05$.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện với sự đồng ý của Hội đồng khoa học của bệnh viện và sự chấp nhận của đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu được giới thiệu rõ về mục tiêu, nội dung phỏng vấn và có quyền từ chối tham gia nghiên cứu vào bất cứ lúc nào trong suốt quá trình nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện trên tinh thần tôn trọng bí mật riêng tư của đối tượng nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành xử trí sốt



Hình 1. Biểu đồ đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành xử trí sốt của bậc cha mẹ

Nhận xét: Trên 80% bậc cha mẹ có con dưới 5 tuổi tại Khoa nhi có kiến thức (85,3%) và thái độ (82,4) chưa tốt về việc xử trí sốt. Tuy nhiên, thực hành của họ tốt có tỷ lệ 65,7%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến với kiến thức, thái độ và thực hành xử trí sốt

Bảng 1. Mô hình hồi quy đa biến Logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến kiến thức

Biến độc lập		Kiến thức		OR (95% CI)	p
		Kiến thức tốt	Kiến thức chưa tốt		
		n (%)	n (%)		
Trình độ học vấn	Tiểu học	0 (0,0)	3 (3,4)	0,34 (0,18 – 0,67)	0,05
	Trung học cơ sở	0 (0,0)	6 (6,9)		
	Trung học phổ thông	1 (6,7)	28 (32,2)		
	Trung cấp	3 (20)	15 (17,2)		
	Cao đẳng	2 (13,3)	16 (18,4)		
	Đại học	9 (60)	18 (20,7)		
	Sau đại học	0 (0,0)	1 (1,1)		
	Công nhân	2 (13,3)	21 (24,1)		
	Tri thức	6 (40)	13 (14,9)		
	Kinh doanh	5 (33,3)	26 (29,9)		
	Nội trợ	2 (13,3)	23 (26,4)		
	Thất nghiệp	0 (0,0)	1 (1,1)		

Bảng 2. Mô hình hồi quy đa biến Logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến thái độ

Biến độc lập		Thái độ		OR (95% CI)	p
		Thái độ tốt	Thái độ chưa tốt		
		n (%)	n (%)		
Mối quan hệ	Ba	7 (38,9)	15 (17,9)	2,68 (0,76 – 9,44)	0,05
	Mẹ	11 (61,1)	57 (67,9)		
	Khác	0 (0,0)	12 (14,3)		
Tuổi của con	Từ 0 – 3 tháng tuổi	0 (0,0)	1 (1,2)	0,06 (0,01 – 0,36)	0,00
	Từ 4 – 36 tháng tuổi	2 (11,1)	51 (60,7)		
	Từ 36 tháng – 5 tuổi	16 (88,9)	32 (38,1)		
	Trung học cơ sở	0 (0,0)	6 (7,1)		
	Trung học phổ thông	2 (11,1)	27 (32,1)		
	Trung cấp	6 (33,3)	12 (14,3)		
	Cao đẳng	5 (27,8)	13 (15,5)		

Biến độc lập		Thái độ		OR (95% CI)	p
		Thái độ tốt	Thái độ chưa tốt		
		n (%)	n (%)		
Đại học		5 (27,8)	22 (26,2)		
Sau đại học		0 (0,0)	1 (1,2)		
Công nhân		7 (38,9)	16 (19,0)		
Tri thức		5 (27,8)	14 (16,7)		
Kinh doanh		4 (22,2)	27 (32,1)		
Nội trợ		2 (11,1)	23 (27,4)		
Thất nghiệp		0 (0,0)	1 (1,2)		

Bảng 3. Mô hình hồi quy đa biến Logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến thực hành

Biến độc lập		Thực hành		OR (95% CI)	p
		Thực hành tốt	Thực hành chưa tốt		
		n (%)	n (%)		
Tuổi	Dưới 20 tuổi	1 (1,5)	2 (5,7)	0,67 (0,35 – 1,26)	0,00
	Từ 20 – 30 tuổi	19 (28,4)	14 (40)		
	Từ 31 – 40 tuổi	34 (50,7)	8 (22,9)		
	Từ 41 – 50 tuổi	13 (19,4)	6 (17,1)		
	Trên 50 tuổi	0 (0,0)	5 (14,3)		
Số người con	01 người con	24 (35,8)	14 (40)	1,48 (0,81 – 2,71)	0,03
	02 người con	34 (50,7)	12 (34,3)		
	03 người con	9 (13,4)	4 (11,4)		
	04 người con	0 (0,0)	4 (11,4)		
	05 người con	0 (0,0)	1 (2,9)		
Trình độ học vấn	Tiểu học	3 (4,5)	0 (0,0)	0,63 (0,44 – 0,89)	0,00
	Trung học cơ sở	2 (3,0)	4 (11,4)		
	Trung học phổ thông	10 (14,9)	19 (54,3)		
	Trung cấp	15 (22,4)	3 (8,6)		
	Cao đẳng	15 (22,4)	3 (8,6)		
	Đại học	21 (31,3)	6 (17,1)		
	Sau đại học	1 (1,5)	0 (0,0)		
Nghề nghiệp	Sinh viên	1 (1,5)	2 (5,7)	0,93 (0,63 – 1,37)	0,05
	Công nhân	13 (19,4)	10 (28,6)		
	Tri thức	16 (23,9)	3 (8,6)		
	Kinh doanh	24 (35,8)	7 (20)		
	Nội trợ	13 (19,4)	12 (34,3)		
	Thất nghiệp	0 (0,0)	1 (2,9)		

Nhận xét: Sử dụng phương pháp kiểm định chi bình phương đã tìm thấy được trình độ của ĐTNC có mối liên quan ($p=0,05$) với kiến thức về xử trí sốt. Ngoài ra, đối với thái độ, chỉ có yếu tố mối quan hệ và tuổi của trẻ mới có mối liên quan ($p=0,00$). Trong khi đối với thực hành xử trí sốt, tuổi của bậc cha mẹ, số lượng con trong gia đình, trình độ và nghề nghiệp của họ có mối liên quan ($p\leq 0,05$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành của đối tượng nghiên cứu

Kiến thức Thực hành	Tốt	Chưa tốt	OR (95%CI)	p
	n (%)	n (%)		
Tốt	10 (66,7)	5 (33,3)		0,93

Kiến thức \ Thực hành	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)	OR (95%CI) 1,05 (1,05 - 3,36)	p
Thực hành				
Chưa tốt	57 (65,5)	30 (34,5)		
Tổng	67 (132,2)	35 (67,8)		

Nhận xét: Chưa tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức với thực hành ($p>0,05$).

Bảng 5. Mối liên quan giữa thực hành và thái độ của đối tượng nghiên cứu

Thực hành \ Thái độ	Tốt n (%)	Chưa tốt n (%)	OR (95%CI) 1,444 (0,47 - 4,44)	p 0,15
Thái độ				
Tốt	13 (72,2)	5 (27,8)		
Chưa tốt	54 (64,3)	30 (35,7)		
Tổng	67 (136,5)	35 (63,5)		

Nhận xét: Thái độ và thực hành trong nghiên cứu không có mối liên quan ($p>0,05$)

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ và thực hành xử trí sốt của bậc cha mẹ

Kiến thức: *Phát hiện sốt:* Với tỷ lệ 92,2% bậc cha mẹ của trẻ biết được thể nào là sốt. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Huyền và cộng sự (2020), nghiên cứu này chỉ có 33,3% các bà mẹ có kiến thức đúng về định nghĩa sốt [5] và cao hơn nghiên cứu của Hồ Thị Hoài Phương và cộng sự năm 2021 [6]. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu có 27,8% các bà mẹ có kiến thức đúng về ngưỡng đo thân nhiệt ở nách của trẻ để đánh giá sốt ($\geq 37,5^\circ\text{C}$) [5], nhưng cao hơn nghiên cứu của Sec,il Gunher Arica và cộng sự (2014), với tỷ lệ 14% coi $37,8^\circ\text{C}$ là sốt [7]; *Xử trí sốt:* Gần 60% các bậc cha mẹ sử dụng nhiệt kế thủy ngân (57,8%) để phát hiện nhiệt độ sốt ở trẻ, trong đó hầu hết họ cặp nhiệt độ ở nách cho trẻ (73,5%). Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Huyền và cộng sự (2020), 59,5% dùng nhiệt kế thủy ngân và 87,4% đo nhiệt độ ở nách [5]. Tỷ lệ bậc cha mẹ đo nhiệt độ ở nách trong nghiên cứu này cao hơn (91,2%) [7].

Thái độ: 100% bậc cha mẹ trẻ cho rằng sốt có thể dẫn đến tử vong và 80,4% trẻ sẽ bị co giật do sốt cao. Tỷ lệ trẻ sẽ bị co giật do sốt trong nghiên cứu này cao hơn so với nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Huyền và cộng sự (2020) (74,4%) [5]. Dùng thuốc kháng sinh để hạ sốt là sai (64,7%), hay việc kết hợp hai hoặc nhiều loại thuốc hạ sốt là không hữu ích cho trẻ (59,8%). Khi trẻ sốt, 82,3% bậc cha mẹ đưa trẻ đến bệnh viện và phòng khám, tỷ lệ đó cao hơn kết quả nghiên cứu của Shalam Mohamed Hussain và cộng sự (2020) [8].

Thực hành: Thuốc được dùng để hạ sốt cho trẻ hầu hết họ lựa chọn Paracetamol (acetaminophene) (97,1%) và chọn Ibuprofen chỉ 2,9%, nghiên cứu của Sec,il Gunher Arica và cộng sự (2014) tỷ lệ sử dụng thuốc Paracetamol (81,7%) thấp hơn so với nghiên cứu này và sử dụng Ibuprofen (13,5%) cao hơn nghiên cứu chúng tôi [7]; Thuốc hạ sốt cho trẻ em dùng được cả bằng đường uống (82,4%) và đường hậu môn, nhưng chỉ 22,5% bậc cha mẹ chọn đường hậu môn, kết quả nghiên cứu này tương đồng với kết quả nghiên cứu Shalam Mohamed Hussain và cộng sự (2020) [8].

Đánh giá chung: Kết quả nghiên cứu có trên 80% bậc cha mẹ có kiến thức và thái độ chưa tốt (85,3% & 82,4%). Tuy nhiên, thực hành xử trí sốt cho trẻ chiếm tỷ lệ cao 65,7%. Kết quả nghiên cứu Đỗ Thị Thu Mai và cộng sự (2019) thấy rằng tỷ lệ có kiến thức đạt chỉ chiếm 58,4%, kết quả trên cao hơn nghiên cứu của chúng tôi (14,7%), nhưng tỷ lệ đối tượng có thực hành đạt chỉ chiếm 52,1%, lại thấp hơn so với kết quả nghiên cứu này (65,7%) [9].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến với kiến thức, thái độ và thực hành xử trí sốt

Mô hình hồi quy đa biến Logistic kiểm định các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ và thực hành: Phân tích hồi quy đa biến phát hiện được có mối liên quan đáng kể giữa trình độ của cha mẹ với kiến thức về xử trí sốt ($p=0,05$). Tuy nhiên, đối với thái độ, chỉ có đặc điểm tuổi ($p=0,05$) và đặc điểm số trẻ em trong gia đình ($p=0,00$) có mối liên quan. Trong khi đối với điểm thực hành, tuổi của bậc cha mẹ, số lượng con trong gia đình, trình độ và nghề nghiệp của họ có mối liên quan ($p\leq 0,05$). Kết quả này của chúng tôi cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Shalam Mohamed Hussain và cộng sự (2020) [4].

Yếu tố liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành: Nghiên cứu của chúng tôi, chỉ tìm thấy được mối liên quan giữa kiến thức với thái độ xử trí sốt của đối tượng nghiên cứu (bảng 3.8, 3.9 và 3.10). Điều này có thể thấy rằng, đối tượng tham gia nghiên cứu có kiến thức tốt đồng nghĩa với có thái độ tốt và ngược lại trong xử trí sốt cho trẻ. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chưa tìm thấy được những kết quả nghiên cứu tương tự trước đó để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa các nghiên cứu với nhau, đây có thể xem là một trong những hạn chế của nghiên cứu.

V. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu trên 102 cha mẹ có con dưới 5 tuổi có triệu chứng sốt tại Khoa Nhi cho thấy được kiến thức và thái độ xử trí sốt còn hạn chế. Tuy nhiên, thực hành xử trí sốt của họ tốt hơn. Đặc điểm mối quan hệ và trình độ của cha mẹ có mối liên quan với kiến thức xử trí sốt ($p<0,05$), kiến thức xử trí sốt của bậc cha mẹ có mối liên quan với thái độ xử trí sốt ($p<0,05$); Đặc điểm tuổi của trẻ có mối liên quan với thái độ xử trí sốt ($p<0,05$), thái độ xử trí sốt của bậc cha mẹ có mối liên quan với kiến thức xử trí sốt ($p=0,05$); Đặc điểm trình độ của cha mẹ có mối liên quan với thực hành xử trí sốt ($p<0,05$). Cần tăng cường công tác truyền thông nâng cao kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành cho bậc cha mẹ về xử trí sốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mohamed N Al Arifi, Abdulrahman J. Assessment of Saudi parents' beliefs and behaviors towards management of child fever in Saudi Arabia—a cross-sectional study. *International Journal of Environmental Research Alwhaibi & Public Health*. 2021. 18, 5217, doi: 10.3390/ijerph18105217.
2. Vũ Thị Thủy Hoa. Thay đổi kiến thức, thực hành dự phòng và xử trí co giật do sốt cho các bà mẹ có con điều trị tại Bệnh viện trẻ em Hải Phòng. 2019.
3. Elena Chiappini, et al. Parental and medical knowledge and management of fever in Italian pre-school children. *BMC Pediatr*. 2012. 12, 1-10, doi: 10.1186/1471-2431-12-97.
4. Shalam Mohamed Hussain, et al. Knowledge, attitude, and practice in management of childhood fever among Saudi parents. *Glob Pediatr Health*. 2020. 7:2333794X20931613, doi: 10.1177/2333794X20931613.
5. Nguyễn Thị Thanh Huyền và cộng sự. Kiến thức về tình trạng sốt ở trẻ em của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi điều trị tại bệnh viện nhi tỉnh Nam Định năm 2020.03,05; 2020.
6. Hồ Thị Hoài Phương và cộng sự. Kiến thức, thái độ, cách xử trí sốt và mối liên quan về trình độ học vấn của bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại Khoa Nhi Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Nghiên cứu và Thực hành Nhi khoa*. 2021. 45-53. DOI:10.47973/jprp.v5i2.304.
7. Seçil Gunher Arica, et al. Knowledge, attitude and response of mothers about fever in their children. 2012. 29(12), e4, doi: 10.1136/emered-2011-200352.
8. Shalam Mohamed Hussain, et al. Knowledge, attitude, and practice in management of childhood fever among Saudi parents. *Glob Pediatr Health*. 2020. 7, 2333794X20931613, doi: 10.1177/2333794X20931613.
9. Đỗ Thị Thu Mai & Văn Quang Tân. Kiến thức, thực hành xử trí sốt cho trẻ dưới 5 tuổi của cha, mẹ và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương năm 2019. 2019.